

HỘI ĐỒNG COI THI THÀNH PHỐ SƠN LA
 Kỳ thi chọn HS giỏi lớp 6, 7, 8 cấp thành phố năm học 2024-2025
 Ngày thi 13 tháng 4 năm 2025

BẢNG GHI TÊN, GHI ĐIỂM

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	A001	Lù Hạnh	An	5	4	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	1	11.5	
2	A002	Lương Bình	An	19	3	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN1	1	9	
3	A003	Vũ Duy	An	13	1	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN1	1	6.25	
4	A004	Hoàng Đức	Anh	9	10	2013	6A6	THCS Chiềng Sinh	KHTN1	1	7.25	
5	A005	Đình Quang	Bách	8	12	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN1	1	9.75	
6	A006	Nguyễn Tùng	Bách	6	1	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN1	1	12.5	
7	A007	Cao Gia	Bào	20	7	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN1	1	10.5	
8	A008	Lê Tiên	Dũng	24	9	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN1	1	8.25	
9	A009	Trần Trung	Dũng	6	12	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	1	12.25	
10	A010	Nguyễn Tùng	Duy	26	2	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN1	1	11.5	
11	A011	Phùng Minh	Duy	11	5	2013	6A	THCS Quyết Thắng	KHTN1	1	6.5	
12	A012	Quảng Như	Duyên	25	6	2013	6C	TH&THCS Chiềng Xôm	KHTN1	1	7.25	
13	A013	Lò Hải	Đăng	1	1	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	1	11.75	
14	A014	Nguyễn Minh	Đức	15	7	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	1	11.5	
15	A015	Nguyễn Trung	Đức	20	3	2013	6A6	THCS Lê Quý Đôn	KHTN1	1	10.5	
16	A016	Đặng Hồng	Hà	8	6	2013	6A	THCS Quyết Thắng	KHTN1	2	5.25	
17	A017	Nguyễn Ngọc	Hà	25	5	2013	6A2	THCS Lê Quý Đôn	KHTN1	2	12.75	
18	A018	Lê Trung	Hải	7	3	2013	6A3	THCS Chiềng Sinh	KHTN1	2	5	
19	A019	Triệu Minh	Hải	17	7	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	2	12	
20	A020	Lò Ngọc	Hân	27	9	2013	6A1	THCS Chiềng An	KHTN1	2	11.5	
21	A021	Nguyễn Gia	Hân	25	9	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	2	9.75	
22	A022	Nguyễn Trần Ngọc	Hân	2	12	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	2	12.5	
23	A023	Tòng Gia	Hân	27	4	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN1	2	10.25	
24	A024	Bùi Lê	Hoàng	30	8	2013	6A6	THCS Chiềng Sinh	KHTN1	2	12.5	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
25	A025	Lành Công	Huân	25	1	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN1	2	6.5	
26	A026	Hoàng Gia	Huy	24	12	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN1	2	4.75	
27	A027	Ngô Thành	Hưng	26	12	2013	6A2	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN1	2	9.5	
28	A028	Tòng Gia	Hưng	12	4	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	KHTN1	2	9	
29	A029	Bùi Trung	Kiên	7	5	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN1	2	10	
30	A030	Lèo Trung	Kiên	22	1	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	KHTN1	2	8.25	
31	A031	Nguyễn Duy Minh	Khôi	2	9	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	3	10.75	
32	A032	Bùi Gia	Linh	2	11	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	3	12.3	
33	A033	Đỗ Mai	Linh	11	12	2013	6A	THCS Quyết Thắng	KHTN1	3	9.25	
34	A034	Lù Diệu	Linh	26	6	2013	6C	TH&THCS Chiềng Xôm	KHTN1	3	8.5	
35	A035	Nguyễn Khánh	Linh	17	4	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	3	10	
36	A036	Vũ Nhật	Linh	29	10	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN1	3	12.75	
37	A037	Nông Tuấn	Long	5	10	2013	6a1	THCS Tô Hiệu	KHTN1	3	9.75	
38	A038	Phạm Ngọc Bảo	Long	14	6	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	3	13.25	
39	A039	Quảng Huy	Long	24	1	2013	6A6	THCS Chiềng Sinh	KHTN1	3	8	
40	A040	Vũ Bá	Lộc	13	3	2013	6A1	THCS Chiềng An	KHTN1	3	4.75	
41	A041	Mai Bá	Lộc	23	3	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	3	10.75	
42	A042	Cà Đức	Mạnh	12	2	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	KHTN1	3	6.75	
43	A043	Đỗ Đức	Mạnh	1	5	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN1	3	8	
44	A044	Nguyễn Đức	Minh	24	6	2013	6A5	THCS Chiềng Sinh	KHTN1	3	12.25	
45	A045	Nguyễn Như	Minh	7	10	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	3	10.5	
46	A046	Nguyễn Quang	Minh	23	6	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	4	12.5	
47	A047	Nguyễn Trà	My	30	5	2013	6A	THCS Quyết Thắng	KHTN1	4	5.8	
48	A048	Phan Ngọc Trà	My	21	1	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	4	11	
49	A049	Trần Phúc Hải	Nam	25	8	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	4	16	
50	A050	Trương Bảo	Nam	1	12	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	4	11	
51	A051	Nguyễn Hải Trung	Nghĩa	21	2	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN1	4	7.5	
52	A052	Phạm Minh	Ngọc	15	4	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	4	13.5	

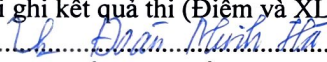
TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
53	A053	Trần Lê Khánh	Ngọc	17	10	2013	6A2	THCS Lê Quý Đôn	KHTN1	4	9.25	
54	A054	Nguyễn Khôi	Nguyên	30	10	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	4	10	
55	A055	Nguyễn Phúc	Nguyên	11	12	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	KHTN1	4	9.25	
56	A056	Nguyễn Hàm Chí	Nhân	29	8	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	4	14.5	
57	A057	Khúc Yến	Nhi	27	2	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	KHTN1	4	7.5	
58	A058	Mai Long	Nhi	11	7	2013	6A2	THCS Lê Quý Đôn	KHTN1	4	11	
59	A059	Trần Phạm Trang	Nhung	23	1	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN1	4	10.5	
60	A060	Lò Thị Tâm	Như	26	11	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	KHTN1	4	7	
61	A061	Trần Công Tuấn	Phi	28	7	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	5	12	
62	A062	Nguyễn Hữu	Phong	14	5	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	5	14	
63	A063	Nguyễn Nam	Phong	9	3	2013	6A6	THCS Chiềng Sinh	KHTN1	5	9.25	
64	A064	Nguyễn Thành	Phong	27	11	2013	6A6	THCS Lê Quý Đôn	KHTN1	5	8.25	
65	A065	Phạm Thế	Phong	12	10	2013	6B	THCS Quyết Thắng	KHTN1	5	5	
66	A066	Cao Xuân An	Phú	18	11	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	KHTN1	5	7.5	
67	A067	Nguyễn Đình	Phú	1	3	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	5	11.25	
68	A068	Lữ Đình Bảo	Phúc	29	5	2013	6A6	THCS Chiềng Sinh	KHTN1	5	11.75	
69	A069	Trần Chí	Phúc	5	9	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN1	5	10.25	
70	A070	Nguyễn Thiện Tuấn	Phương	23	8	2013	6A2	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN1	5	9.5	
71	A071	Lê Nhật	Quang	21	5	2013	6A3	THCS Lê Quý Đôn	KHTN1	5	9.5	
72	A072	Lê Minh	Quân	27	1	2013	6A2	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN1	5	3.5	
73	A073	Vì Minh	Quân	1	1	2013	6A3	THCS Lê Quý Đôn	KHTN1	5	11	
74	A074	Lò Mạnh	Quyết	17	1	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	KHTN1	5	9	
75	A075	Nguyễn Thanh	Sơn	29	6	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	5	9.25	
76	A076	Vũ Anh	Sơn	10	12	2013	6A6	THCS Chiềng Sinh	KHTN1	5	7.5	
77	A077	Đỗ Mạnh	Toàn	18	3	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	5	10.5	
78	A078	Mùi Minh	Tú	1	4	2013	6A6	THCS Chiềng Sinh	KHTN1	6	14.25	
79	A079	Vũ Anh	Tú	2	8	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	6	14	
80	A080	Tạ Lâm	Tùng	8	5	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN1	6	7.75	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
81	A081	Lò Duy	Thái	18	2	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	6	15	
82	A082	Vì Chí	Thanh	1	2	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	6	12.8	
83	A083	Lò Minh	Thế	13	9	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	6	12.75	
84	A084	Nguyễn Nhã	Thiên	18	12	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	KHTN1	6	12.25	
85	A085	Vũ Thị Huyền	Trang	13	7	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	KHTN1	6	5	
86	A086	Tòng Trần Kiều	Trình	8	8	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	6	13.25	
87	A087	Lê Xuân	Trọng	4	4	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN1	6	10	
88	A088	Hà Phúc	Vinh	26	11	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	KHTN1	6	12.75	
89	A089	Lò Thị Hải	Yến	4	6	2013	6A8	THCS Chiềng Sinh	KHTN1	6	4.5	
90	A153	Nguyễn Lê Bảo	Trâm	30	4	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN1	5	6.75	

Danh sách này có 90 thí sinh

TP.Sơn La, ngày ... tháng 5 năm 2025
P.CHỦ TỊCH HĐ COI THI XÁC NHẬN


Nguyễn Văn Cường

HỌ TÊN VÀ CHỮ KÝ CỦA
Người đọc điểm thi: 
.....
Người ghi kết quả thi (Điểm và XL giải)

.....
Người soát điểm thi (Điểm và XL giải)
.....

TP.Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2025
P.CHỦ TỊCH HĐ CHẤM THI XÁC NHẬN


Nguyễn Văn Cường

TP.Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2025
TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT



Trần La Giang

HỘI ĐỒNG COI THI THÀNH PHỐ SƠN LA
Kỳ thi chọn HS giỏi lớp 6, 7, 8 cấp thành phố năm học 2024-2025
Ngày thi 13 tháng 4 năm 2025

BẢNG GHI TÊN, GHI ĐIỂM

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	A090	Đỗ Bảo	An	31	3	2013	6A	THCS Quyết Thắng	KHTN2	1	11.25	
2	A091	Lã Thị Bảo	An	24	3	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN2	1	11.125	
3	A092	Nguyễn Bá Bảo	An	28	8	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN2	1	12.25	
4	A093	Nguyễn Ngọc Bảo	An	19	11	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	KHTN2	1	15.375	
5	A094	Chu Ngọc	Anh	13	12	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	KHTN2	1	14.25	
6	A095	Nguyễn Hoài	Anh	12	10	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN2	1	9.5	
7	A096	Nguyễn Ngọc	Anh	2	3	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	KHTN2	1	12.5	
8	A097	Trần Hà	Anh	6	3	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	KHTN2	1	10.25	
9	A098	Vũ Bảo	Anh	14	9	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	KHTN2	1	12.5	
10	A099	Lò Nguyệt	Ánh	11	11	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	KHTN2	1	8.75	
11	A100	Quảng Ngọc	Bích	31	8	2013	6B	THCS Hua La	KHTN2	1	9	
12	A101	Hoàng Ngọc	Châu	13	1	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	KHTN2	1	10	
13	A102	Nguyễn Minh	Châu	23	1	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN2	1	16.5	
14	A103	Lường Yên	Chi	5	2	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	KHTN2	1	15.75	
15	A104	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	4	11	2013	6C	THCS Quyết Thắng	KHTN2	1	6	
16	A105	Cà Trung	Dũng	27	9	2013	6A2	TH&THCS Chiềng Ngần B	KHTN2	2	13.25	
17	A106	Bùi Khánh	Duy	4	3	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	KHTN2	2	11.125	
18	A107	Cà Kỳ	Duyên	20	9	2013	6A	THCS Quyết Thắng	KHTN2	2	12.125	
19	A108	Nguyễn Ngọc	Duyên	28	4	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN2	2	8.125	
20	A109	Quảng Tâm	Đan	31	3	2013	6A2	THCS Tô Hiệu	KHTN2	2	8.25	
21	A110	Lê Đình Anh	Đức	10	4	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	KHTN2	2	14.75	
22	A111	Tòng Mạnh	Hải	19	5	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	KHTN2	2	11.75	
23	A112	Nguyễn Gia	Hân	19	11	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	KHTN2	2	14	
24	A113	Quảng Diệu	Hiền	10	5	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	KHTN2	2	10.5	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
25	A114	Cà Quảng	Huyền	4	4	2013	6A2	TH&THCS Chiềng Ngần B	KHTN2	2	14.75	
26	A115	Dương Đức	Huyền	7	9	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	KHTN2	2	10	
27	A116	Cầm Mạnh	Kiến	26	5	2013	6A2	THCS Tô Hiệu	KHTN2	2	6.575	
28	A117	Nguyễn Quốc	Khánh	2	9	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	KHTN2	2	12.5	
29	A118	Nguyễn Đăng	Khoa	20	8	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	KHTN2	2	11.5	
30	A119	Nguyễn Tùng	Lâm	6	9	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN2	2	6.25	
31	A120	Nguyễn Bùi Uyên	Linh	27	1	2013	6A7	THCS Chiềng Sinh	KHTN2	3	12.25	
32	A121	Lê Hoàng	Long	27	9	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN2	3	14.25	
33	A122	Nguyễn Khánh	Ly	27	2	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	KHTN2	3	10.25	
34	A123	Nguyễn Đăng	Minh	13	1	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	KHTN2	3	11.5	
35	A124	Trần Tuấn	Minh	24	6	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	KHTN2	3	13	
36	A125	Trần Bảo	Nam	13	4	2013	6A1	THCS Tô Hiệu	KHTN2	3	13	
37	A126	Lèo Thu	Ngân	2	5	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	KHTN2	3	14.25	
38	A127	Nguyễn Khánh	Ngọc	30	8	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN2	3	17	
39	A128	Nguyễn Khánh	Ngọc	29	3	2013	6A1	TH&THCS CHIềng Cọ	KHTN2	3	4	
40	A129	Quảng Thị Khánh	Ngọc	6	3	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN2	3	14.25	
41	A130	Trần Bích	Ngọc	26	8	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN2	3	11	
42	A131	Vũ Bảo	Ngọc	7	2	2013	6A2	THCS Tô Hiệu	KHTN2	3	10	
43	A132	Bùi Hương Thảo	Nguyên	26	12	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	KHTN2	3	11.75	
44	A133	Nguyễn Thảo	Nguyên	15	8	2013	6D	THCS Quyết Thắng	KHTN2	3	9.25	
45	A134	Nguyễn Minh	Nguyệt	21	6	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN2	3	15.25	
46	A135	Quảng Minh	Nguyệt	24	2	2013	6A1	TH&THCS CHIềng Cọ	KHTN2	4	11.5	
47	A136	Đỗ Tuệ	Nhi	29	4	2013	6A	THCS Quyết Thắng	KHTN2	4	8.75	
48	A137	Lò Thị Ngọc	Nhi	15	8	2013	6A1	TH&THCS CHIềng Cọ	KHTN2	4	9	
49	A138	Vũ An Bảo	Nhi	8	11	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	KHTN2	4	12	
50	A139	Dư Trí	Phong	6	3	2013	6A	THCS Quyết Thắng	KHTN2	4	7.5	
51	A140	Trịnh Tuấn	Phong	22	12	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	KHTN2	4	11.5	
52	A141	Đào Văn	Phúc	15	1	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	KHTN2	4	14.5	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
53	A142	Phạm Bảo	Phúc	9	9	2013	6A3	THCS Lê Quý Đôn	KHTN2	4	6.5	
54	A143	Dương Mạnh	Quân	14	1	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN2	4	6.5	
55	A144	Vũ Minh	Quân	21	11	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	KHTN2	4	13	
56	A145	Nguyễn Bảo	Quyên	23	9	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	KHTN2	4	10.5	
57	A146	Nguyễn Bảo	Quyên	14	1	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN2	4	11.75	
58	A147	Nguyễn Ngọc	Quyên	6	8	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN2	4	6.625	
59	A148	Nguyễn Thu	Quỳnh	12	4	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN2	4	7.25	
60	A149	Cà Thị Như	Quỳnh	27	1	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	KHTN2	4	8	
61	A150	Nguyễn Trọng	Thành	21	1	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN2	5	7.5	
62	A151	Quản Diệu	Thu	16	9	2013	6A3	TH&THCS Chiềng Ngần B	KHTN2	5	10.5	
63	A152	Trương Nguyễn Minh	Thư	4	1	2013	6A4	THCS Lê Quý Đôn	KHTN2	5	14	
64	A154	Lò Ngân	Trúc	17	8	2013	6A5	THCS Chiềng Sinh	KHTN2	5	9.25	
65	A155	Tòng Thanh	Trúc	7	9	2013	6B	THCS Hua La	KHTN2	5	6.625	
66	A156	Phạm Bá	Vượng	18	2	2013	6A6	THCS Lê Quý Đôn	KHTN2	5	11.5	
67	A157	Bùi Thị Hải	Yến	14	1	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	KHTN2	5	11.5	
68	A158	Trần Bảo	Yến	28	10	2013	6A2	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN2	5	11.5	
69	A159	Cầm Gia	Linh	26	9	2013	6A1	THCS Chiềng An	KHTN2	5	7.625	
70	A160	Lù Phương	Mai	19	8	2013	6A1	THCS Chiềng An	KHTN2	5	7	
71	A161	Tòng Bích	Phượng	22	5	2013	6A1	THCS Chiềng An	KHTN2	5	10.5	
72	A162	Tòng Minh	Vũ	25	1	2013	6A1	THCS Chiềng An	KHTN2	5	10.75	

Danh sách này có 72 thí sinh

TP.Sơn La, ngày ... tháng 5 năm 2025
P CHỦ TỊCH HỖ COI THI XÁC NHẬN

HỌ TÊN VÀ CHỮ KÝ CỦA
Người đọc điểm thi:
Người ghi kết quả thi (Điểm và XL giải)
Người soát điểm thi (Điểm và XL giải)

TP.Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2025
P CHỦ TỊCH HỖ CHẤM THI XÁC NHẬN

TP.Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2025
TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường

Trần La Giang



HỘI ĐỒNG CỎI THI THÀNH PHỐ SƠN LA

Kỷ thi chọn HS giỏi lớp 6, 7, 8 cấp thành phố năm học 2024-2025

Ngày thi 13 tháng 4 năm 2025

BẢNG GHI TÊN, GHI ĐIỂM

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phỏng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	A163	Bùi Nguyễn Huyền	An	16	5	2013	6A2	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN3	6	8.2	
2	A164	Đổng Nguyễn Hải	Anh	8	9	2013	6B	THCS Chiềng Đen	KHTN3	6	10.1	
3	A165	Lò Đức	Anh	24	3	2013	6C	THCS Chiềng Đen	KHTN3	6	8.7	
4	A166	Lường Vũ Nhật	Anh	8	9	2013	6D	THCS Quyết Thắng	KHTN3	6	9.75	
5	A167	Phạm Lê	Anh	13	3	2013	6A2	THCS Lê Quý Đôn	KHTN3	6	9	
6	A168	Phạm Thuý	Anh	12	11	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN3	6	8.5	
7	A169	Quảng Thế	Anh	13	7	2013	6B	THCS Chiềng Đen	KHTN3	6	8.45	
8	A170	Trần Ngọc	Ánh	26	6	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN3	6	9.35	
9	A171	Đặng Gia	Bảo	13	10	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	KHTN3	6	8.35	
10	A172	Đinh Công	Bảo	2	10	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	KHTN3	6	10.25	
11	A173	Phùng Ngọc	Bảo	23	6	2013	6A	THCS Quyết Thắng	KHTN3	6	7.35	
12	A174	Hoàng Hải	Băng	14	5	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN3	6	7.25	
13	A175	Lê Minh	Châu	1	1	2013	6G	THCS Quyết Thắng	KHTN3	6	10.55	
14	A176	Nguyễn Minh	Châu	30	12	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	KHTN3	6	11.7	
15	A177	Nguyễn Thảo Linh	Chi	12	8	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	KHTN3	6	12.95	
16	A178	Cà Thị Mỹ	Duyên	19	3	2013	6A7	THCS Chiềng Sinh	KHTN3	6	8.95	
17	A179	Lưu Mỹ	Duyên	10	12	2013	6A2	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN3	6	9.6	
18	A180	Nguyễn Bảo	Duyên	20	6	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	KHTN3	6	8.85	
19	A181	Quảng Linh	Đan	14	6	2013	6A4	THCS Tô Hiệu	KHTN3	7	6.25	
20	A182	Quảng Anh	Đào	25	10	2013	6A	THCS Chiềng Đen	KHTN3	7	10.5	
21	A183	Trần Tiến	Đạt	26	10	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN3	7	9.6	
22	A184	Đàm Vũ Khánh	Hà	25	1	2013	6A2	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN3	7	11.65	
23	A185	Cà Thị Diễm	Hằng	3	8	2013	6A2	TH&THCS Chiềng Ngần B	KHTN3	7	8.5	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trưởng	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
24	A186	Cà Thị Bào	Hân	30	1	2013	6A2	TH&THCS Chiềng Ngần B	KHTN3	7	7	
25	A187	Đào Nguyễn Gia	Hân	12	11	2013	6A5	THCS Chiềng Sinh	KHTN3	7	4.6	
26	A188	Hoàng Gia	Hân	15	12	2013	6A1	THCS Chiềng An	KHTN3	7	8.25	
27	A189	Lò Đức	Hiệu	20	11	2013	6B	TH-THCS Chiềng Ngần A	KHTN3	7	8.85	
28	A190	Lèo Thị Huyền	Hoà	13	3	2013	6A2	TH&THCS CHIềng Cọ	KHTN3	7	6.3	
29	A191	Bùi Lê	Hoàng	12	1	2013	6G	THCS Quyết Thắng	KHTN3	7	11.4	
30	A192	Lê Mạnh	Hùng	23	7	2013	6A2	THCS Tô Hiệu	KHTN3	7	10.1	
31	A193	Đình Gia	Huy	21	10	2013	6B	THCS Chiềng Đen	KHTN3	7	9.25	
32	A194	Lò Gia	Huy	2	11	2013	6A2	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN3	7	9.2	
33	A195	Nguyễn Gia	Huy	9	4	2013	6A6	THCS Lê Quý Đôn	KHTN3	7	9.4	
34	A196	Lò Thị Khánh	Huyền	24	1	2013	6A1	TH&THCS CHIềng Cọ	KHTN3	8	7.5	
35	A197	Đàm Gia	Hùng	23	5	2013	6E	THCS Quyết Thắng	KHTN3	8	10.6	
36	A198	Nguyễn Thanh	Hương	31	1	2013	6A1	THCS Chiềng An	KHTN3	8	12.45	
37	A199	Vũ Thùy Thiên	Hương	11	2	2013	6A2	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN3	8	10.7	
38	A200	Nguyễn Văn	Khanh	7	2	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	KHTN3	8	14.35	
39	A201	Bùi Nam	Khánh	31	10	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	KHTN3	8	7.2	
40	A202	Vũ Quốc	Khánh	3	10	2013	6A4	THCS Lê Quý Đôn	KHTN3	8	10.5	
41	A203	Lê Nguyên	Khôi	23	1	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	KHTN3	8	11.5	
42	A204	Trần Ngọc	Lam	31	1	2013	6B	THCS Quyết Thắng	KHTN3	8	11.4	
43	A205	Tòng Khánh	Linh	19	9	2013	6A1	THCS Chiềng An	KHTN3	8	8.75	
44	A206	Vũ Gia	Linh	6	8	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	KHTN3	8	14.75	
45	A207	Lê Duy	Lộc	26	5	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	KHTN3	8	12.85	
46	A208	Lèo Minh	Luân	1	8	2013	6B	TH-THCS Chiềng Ngần A	KHTN3	8	8.6	
47	A209	Nguyễn Bảo	Ly	28	11	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN3	8	4.7	
48	A210	Nguyễn Khánh	Ly	3	10	2013	6C	THCS Quyết Thắng	KHTN3	8	9.15	
49	A211	Cà Đức	Mạnh	9	3	2013	6A	THCS Hua La	KHTN3	9	6.75	
50	A212	Phan Khánh	Minh	9	6	2013	6G	THCS Quyết Thắng	KHTN3	9	9.7	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
51	A213	Lù Như	Ngà	23	2	2013	6B	TH&THCS Chiềng Xôm	KHTN3	9	7.15	
52	A214	Phạm Quang	Nghĩa	24	5	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	KHTN3	9	12.6	
53	A215	Trần Đại	Nghĩa	4	6	2013	6A6	THCS Chiềng Sinh	KHTN3	9	11.35	
54	A216	Đào Thị Ánh	Ngọc	1	4	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	KHTN3	9	7.15	
55	A217	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	13	9	2013	6A7	THCS Chiềng Sinh	KHTN3	9	8.8	
56	A218	Phạm Khôi	Nguyên	8	10	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	KHTN3	9	11.65	
57	A219	Vũ Thanh	Nguyên	9	12	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN3	9	9.75	
58	A220	Quảng Như	Nguyệt	18	10	2013	6A2	THCS Chiềng Sinh	KHTN3	9	9.25	
59	A221	Cà Thị Thuý	Nhi	1	2	2013	6A	THCS Hua La	KHTN3	9	7.3	
60	A222	Trần Gia	Nhi	6	1	2013	6A2	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN3	9	7.15	
61	A223	Trần Thảo	Nhi	16	2	2013	6A6	THCS Lê Quý Đôn	KHTN3	9	10	
62	A224	Trịnh Yến	Nhi	20	5	2013	6A	THCS Hua La	KHTN3	9	6.7	
63	A225	Vương Diệu	Nhi	11	11	2013	6B	TH&THCS Chiềng Xôm	KHTN3	9	5.5	
64	A226	Bùi Đức	Phong	16	12	2013	6A2	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN3	10	6.5	
65	A227	Nguyễn Nam	Phong	31	7	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN3	10	11.7	
66	A228	Trần Vũ	Phong	4	11	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	KHTN3	10	12.4	
67	A229	Quảng Trung	Phúc	30	11	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	KHTN3	10		
68	A230	Vũ Hà	Phương	28	10	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	KHTN3	10	12.8	
69	A231	Nguyễn Thanh	Tâm	24	3	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN3	10	8.9	
70	A232	Bùi Quyết	Tiến	12	8	2013	6B	TH&THCS Chiềng Xôm	KHTN3	10	7.6	
71	A233	Lương Văn	Toàn	15	6	2013	6C	THCS Chiềng Đen	KHTN3	10	9.3	
72	A234	Hoàng Ngọc	Tú	12	3	2013	6A7	THCS Chiềng Sinh	KHTN3	10	10.35	
73	A235	Lò Cẩm	Tú	12	8	2013	6B	TH&THCS Chiềng Xôm	KHTN3	10	6.05	
74	A236	Nguyễn Như	Tú	3	7	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	KHTN3	10	12.1	
75	A237	Trần Cẩm	Tú	16	2	2013	6A7	THCS Chiềng Sinh	KHTN3	10	10	
76	A238	Trương Tuấn	Tú	18	11	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN3	10	8.7	
77	A239	Tòng Thị Ngọc	Tuyền	15	9	2013	6A2	TH&THCS Chiềng Ngần B	KHTN3	10	8.2	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
78	A240	Lù Thị Mai	Thu	15	10	2013	6A2	THCS Chiềng An	KHTN3	11	11.05	
79	A241	Lò Minh	Thư	26	6	2013	6A4	THCS Lê Quý Đôn	KHTN3	11	11.15	
80	A242	Cà Thị Thùy	Trang	11	8	2013	6A2	TH&THCS Chiềng Ngần B	KHTN3	11	6.3	
81	A243	Nguyễn Cẩm Minh	Trang	2	4	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	KHTN3	11	11.5	
82	A244	Vũ Quỳnh	Trang	8	12	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN3	11	6.25	
83	A245	Lò Ngọc	Trâm	30	11	2013	6B	TH&THCS Chiềng Xôm	KHTN3	11	9.6	
84	A246	Nguyễn Bảo	Trâm	24	9	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN3	11	6	
85	A247	Tòng Huyền	Trâm	27	2	2013	6A2	THCS Tô Hiệu	KHTN3	11	9.5	
86	A248	Cà Thanh	Trúc	10	9	2013	6A2	TH&THCS Chiềng Ngần B	KHTN3	11	4.5	
87	A249	Hà Thùy	Vân	2	1	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	KHTN3	11	14.45	
88	A250	Phùng Thanh	Vân	15	7	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN3	11	6.2	
89	A251	Lò Quang	Vinh	13	10	2013	6B	THCS Chiềng Đen	KHTN3	11	8.9	
90	A252	Quảng Thị Như	Ý	1	11	2013	6A2	TH&THCS Chiềng Cọ	KHTN3	11	8.2	
91	A253	Tòng Thị Hải	Yến	19	2	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	KHTN3	11	5	

Danh sách này có 91 thí sinh

TP.Sơn La, ngày ... tháng 5 năm 2025
P.CHỦ TỊCH HĐ COI THI XÁC NHẬN

HỌ TÊN VÀ CHỮ KÝ CỦA
Người đọc điểm thi: LT. Hải Sơn
.....
Người ghi kết quả thi (Điểm và XL giải)
LT. Đoàn Minh Hòa
.....
Người soát điểm thi (Điểm và XL giải)
.....


Nguyễn Văn Cường

TP.Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2025
P.CHỦ TỊCH HĐ CHẤM THI XÁC NHẬN


Nguyễn Văn Cường

TP.Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2025
TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT



Trần La Giang

HỘI ĐỒNG CỎI THI THÀNH PHỐ SƠN LA
Kỳ thi chọn HS giỏi lớp 6, 7, 8 cấp thành phố năm học 2024-2025
 Ngày thi 13 tháng 4 năm 2025

BẢNG GHI TÊN, GHI ĐIỂM

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
1	2		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	A254	Đặng Túc	An	16	5	2013	6A6	THCS Lê Quý Đôn	LS-ĐL1	7	9.75	
2	A255	Lò Khánh	An	19	10	2013	6A2	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	LS-ĐL1	7	11.5	
3	A256	Lò Mai	An	30	8	2013	6A1	THCS Chiềng An	LS-ĐL1	7	8.5	
4	A257	Cà Hoàng	Anh	21	3	2013	6B	THCS Chiềng Đen	LS-ĐL1	7	7	
5	A258	Nguyễn Đặng Trâm	Anh	25	5	2013	6A1	THCS Tô Hiệu	LS-ĐL1	7	7	
6	A259	Vũ Quỳnh	Anh	16	12	2013	6A3	TH&THCS Quyết Tâm	LS-ĐL1	7		
7	A260	Lò Chí	Bảo	11	8	2013	6A2	THCS Tô Hiệu	LS-ĐL1	7	7.25	
8	A261	Tòng Gia	Bảo	31	7	2013	6A2	TH&THCS Quyết Tâm	LS-ĐL1	7	6	
9	A262	Quảng Thị Cẩm	Bích	11	8	2013	6B	TH&THCS Chiềng Xôm	LS-ĐL1	7	3.75	
10	A263	Cà Đức	Duy	14	4	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Ngần B	LS-ĐL1	7	2.75	
11	A264	Lù Đức	Duy	27	6	2013	6B	TH&THCS Chiềng Xôm	LS-ĐL1	7	6.5	
12	A265	Lò Thị Mỹ	Duyên	7	5	2013	6B	THCS Chiềng Đen	LS-ĐL1	7	6.75	
13	A266	Đèo Thị Thuý	Dương	18	6	2013	6B	TH-THCS Chiềng Ngần A	LS-ĐL1	7	16	
14	A267	Phạm Vũ Hải	Đặng	18	10	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	LS-ĐL1	7	9.25	
15	A268	Đặng Đình	Đức	15	5	2013	6G	THCS Quyết Thắng	LS-ĐL1	7	5.75	
16	A269	Quảng Thị Ngọc	Hà	25	10	2013	6A5	THCS Tô Hiệu	LS-ĐL1	8	4.25	
17	A270	Trần Đình Nam	Hải	14	4	2013	6C	THCS Quyết Thắng	LS-ĐL1	8	6.5	
18	A271	Trần Minh	Hằng	15	6	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	LS-ĐL1	8	14.5	
19	A272	Lò Diệu	Hân	6	8	2013	6A8	THCS Chiềng Sinh	LS-ĐL1	8	12.25	
20	A273	Nguyễn Huy	Hoàng	13	1	2013	6A1	THCS Lê Quý Đôn	LS-ĐL1	8	10	
21	A274	Cà Thị Kim	Huệ	19	7	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Ngần B	LS-ĐL1	8	4	
22	A275	Nguyễn Mai	Hương	27	8	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	LS-ĐL1	8	8	
23	A276	Quảng Thị Lan	Hương	26	3	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	LS-ĐL1	8	4.75	

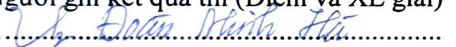
TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
24	A277	Nguyễn Bảo	Khánh	19	6	2013	6a2	TH&THCS Quyết Tâm	LS-ĐL1	8	7.5	
25	A278	Lương Tuấn	Khoa	8	8	2013	6D	THCS Quyết Thắng	LS-ĐL1	8	9	
26	A279	Trần Phúc	Lâm	14	6	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	LS-ĐL1	8		
27	A280	Bàn Tuệ	Linh	8	1	2013	6A4	THCS Tô Hiệu	LS-ĐL1	8	5.25	
28	A281	Lò Tấn	Lộc	11	2	2013	6A1	THCS Chiềng An	LS-ĐL1	8	2.75	
29	A282	Lò Thành	Lương	25	6	2013	6B	THCS Hua La	LS-ĐL1	8	5.75	
30	A283	Ngô Khánh	Ly	13	9	2013	6A1	THCS Lê Quý Đôn	LS-ĐL1	8	6.5	
31	A284	Quảng Thị Tuyết	Mai	12	2	2013	6B	TH-THCS Chiềng Ngăn A	LS-ĐL1	9	5.25	
32	A285	Nguyễn Ngọc	Minh	6	8	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	LS-ĐL1	9	9	
33	A286	Nguyễn Ngọc	Minh	4	9	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	LS-ĐL1	9	6.5	
34	A287	Nguyễn Phú	Minh	30	3	2013	6D	THCS Quyết Thắng	LS-ĐL1	9	5	
35	A288	Tòng Thị Mai	Ngân	12	8	2013	6B	TH&THCS Chiềng Xôm	LS-ĐL1	9	5.5	
36	A289	Vũ Thị Kim	Ngân	12	8	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	LS-ĐL1	9	6.75	
37	A290	Cà Hoàng	Nghiệp	24	7	2013	6B	THCS Hua La	LS-ĐL1	9	8.5	
38	A291	Khuất Khôi	Nguyên	21	3	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	LS-ĐL1	9	12	
39	A292	Vũ Phúc	Nguyên	13	4	2013	6a2	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	LS-ĐL1	9	10.25	
40	A293	Cà Như	Nguyệt	16	11	2013	6B	TH&THCS Chiềng Xôm	LS-ĐL1	9	4.25	
41	A294	Lèo Ngọc An	Nhi	7	4	2013	6A1	THCS Chiềng An	LS-ĐL1	9	5.25	
42	A295	Đinh Hồng	Nhung	8	9	2013	6B	THCS Quyết Thắng	LS-ĐL1	9	6.25	
43	A296	Quảng Tâm	Như	18	9	2013	6A3	TH&THCS Quyết Tâm	LS-ĐL1	9	4.75	
44	A297	Cà Thị Hồng	Quyên	1	2	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Ngăn B	LS-ĐL1	9	3.25	
45	A298	Nguyễn Bảo	Quyên	27	4	2013	6A2	TH&THCS Quyết Tâm	LS-ĐL1	9	7.5	
46	A299	Cà Thị Thanh	Tâm	28	2	2013	6C	TH-THCS Chiềng Ngăn A	LS-ĐL1	10	10.5	
47	A300	Lèo Thị Thanh	Tuyền	2	3	2013	6B	THCS Hua La	LS-ĐL1	10	8.5	
48	A301	Tòng Quý	Ty	18	9	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	LS-ĐL1	10	6.5	
49	A302	Cà Thị Thu	Thảo	14	7	2013	6A1	THCS Chiềng An	LS-ĐL1	10	13.5	
50	A303	Nguyễn Thanh	Thảo	11	8	2013	6A2	THCS Lê Quý Đôn	LS-ĐL1	10	7.75	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
51	A304	Tòng Thủy Quỳnh	Thiên	3	2	2013	6A4	THCS Chiềng An	LS-ĐL1	10	3	
52	A305	Trần Đức	Thịnh	22	10	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	LS-ĐL1	10	10.75	
53	A306	Cà Thị Hà	Thu	9	9	2013	6A4	THCS Chiềng An	LS-ĐL1	10	3.75	
54	A307	Quảng Thị Bảo	Trâm	6	7	2013	6A4	THCS Tô Hiệu	LS-ĐL1	10	3.25	
55	A308	Cà Huyền	Trân	15	6	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	LS-ĐL1	10	4	
56	A309	Lò Đức	Trọng	4	1	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	LS-ĐL1	10	5.75	
57	A310	Lèo Thanh	Trúc	30	12	2013	6A6	THCS Lê Quý Đôn	LS-ĐL1	10	9.5	
58	A311	Trịnh Bảo	Trúc	25	9	2013	6A4	THCS Tô Hiệu	LS-ĐL1	10	4.75	
59	A312	Lò Thái	Uý	10	6	2013	6A1	THCS Lê Quý Đôn	LS-ĐL1	10	9.5	
60	A313	Nguyễn Bảo	Vi	4	11	2013	6A5	THCS Tô Hiệu	LS-ĐL1	10	9.75	
61	A314	Trần Hải	Yến	24	6	2013	6A2	THCS Lê Quý Đôn	LS-ĐL1	10	9.5	

Danh sách này có 61 thí sinh

TP.Sơn La, ngày ... tháng 5 năm 2025
1. CHỦ TỊCH HỖ COI THI XÁC NHẬN


Nguyễn Văn Cường

HỌ TÊN VÀ CHỮ KÝ CỦA
Người đọc điểm thi: 
Người ghi kết quả thi (Điểm và XL giải)

Người soát điểm thi (Điểm và XL giải)

TP.Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2025
1. CHỦ TỊCH HỖ CHẤM THI XÁC NHẬN


Nguyễn Văn Cường

TP.Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2025
TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT


Trần La Giang

HỘI ĐỒNG COI THI THÀNH PHỐ SƠN LA

Kỳ thi chọn HS giỏi lớp 6, 7, 8 cấp thành phố năm học 2024-2025

Ngày thi 13 tháng 4 năm 2025

BẢNG GHI TÊN, GHI ĐIỂM

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	A315	Bùi Quỳnh	An	8	10	2013	6E	THCS Quyết Thắng	LS-ĐL2	11	11	
2	A316	Tạ Thuỳ	An	27	1	2013	6E	THCS Quyết Thắng	LS-ĐL2	11	11	
3	A317	Trần Thảo	An	25	4	2013	6E	THCS Quyết Thắng	LS-ĐL2	11	8.75	
4	A318	Phạm Hải	Anh	30	7	2013	6A1	THCS Tô Hiệu	LS-ĐL2	11	12.5	
5	A319	Phạm Thị Vân	Anh	5	2	2013	6A2	THCS Tô Hiệu	LS-ĐL2	11	11.75	
6	A320	Lò Gia	Bào	16	1	2013	6A1	THCS Tô Hiệu	LS-ĐL2	11	9.75	
7	A321	Cà Thị Vỹ	Cầm	9	2	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Ngần B	LS-ĐL2	11	5.25	
8	A322	Vì Hùng	Cường	18	4	2013	6A3	THCS Tô Hiệu	LS-ĐL2	11	10.5	
9	A323	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	4	1	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	LS-ĐL2	11	12.5	
10	A324	Phạm Lê Bảo	Châu	28	9	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	LS-ĐL2	11	9.75	
11	A325	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	3	1	2013	6A2	THCS Lê Quý Đôn	LS-ĐL2	11	11.75	
12	A326	Bùi Hà Phan	Duy	18	4	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	LS-ĐL2	11	12.5	
13	A327	Phạm Ngọc Hải	Đặng	7	4	2013	6A	TH-THCS Chiềng Ngần A	LS-ĐL2	11	7.75	
14	A328	Cà Thị Băng	Giang	11	12	2013	6B	TH-THCS Chiềng Ngần A	LS-ĐL2	11	5	
15	A329	Nguyễn Võ Tuệ	Giang	30	12	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	LS-ĐL2	11	13.75	
16	A330	Cà Thị Quỳnh	Giao	6	8	2013	6C	TH-THCS Chiềng Ngần A	LS-ĐL2	11	6.25	
17	A331	Quảng Thị Thu	Hà	15	5	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	LS-ĐL2	12	16.5	
18	A332	Lò Thị Bích	Hằng	29	8	2013	6C	TH-THCS Chiềng Ngần A	LS-ĐL2	12	5.5	
19	A333	Lường Bảo	Hân	25	4	2013	6B	THCS Chiềng Đen	LS-ĐL2	12	7.5	
20	A334	Doãn Thế	Hùng	9	5	2013	6A3	THCS Lê Quý Đôn	LS-ĐL2	12	13.5	
21	A335	Bùi Việt	Hung	21	3	2013	6A2	THCS Tô Hiệu	LS-ĐL2	12	13	
22	A336	Quảng Thư	Kỳ	27	6	2013	6B	THCS Chiềng Đen	LS-ĐL2	12	2.75	
23	A337	Tòng Đức	Khải	7	12	2013	6A4	THCS Chiềng An	LS-ĐL2	12	6.5	

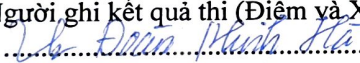
TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
24	A338	Đèo Duy	Khánh	17	11	2012	6B	THCS Chiềng Đen	LS-ĐL2	12	5.25	
25	A339	Nguyễn An	Khánh	19	1	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	LS-ĐL2	12	9.75	
26	A340	Phạm Bá	Lâm	26	5	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	LS-ĐL2	12	8.75	
27	A341	Lò Diệu	Linh	15	5	2013	6A2	THCS Chiềng An	LS-ĐL2	12	6.25	
28	A342	Lừ Hoàng	Long	13	7	2013	6E	THCS Quyết Thắng	LS-ĐL2	12	11	
29	A343	Nguyễn Huy Bình	Minh	25	1	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	LS-ĐL2	12	7.25	
30	A344	Nguyễn Huy Quang	Minh	25	1	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	LS-ĐL2	12	8.5	
31	A345	Hoàng Đức	Minh	6	4	2013	6E	THCS Quyết Thắng	LS-ĐL2	12	13.5	
32	A346	Tòng Bình	Minh	11	5	2013	6A2	THCS Chiềng An	LS-ĐL2	13	7.5	
33	A347	Vừ Công	Minh	9	9	2013	6G	THCS Quyết Thắng	LS-ĐL2	13	9.25	
34	A348	Cà Thị Yến	Nghi	2	12	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Ngần B	LS-ĐL2	13	4	
35	A349	Lê Thị	Ngoan	5	11	2013	6A8	THCS Chiềng Sinh	LS-ĐL2	13	10.5	
36	A350	Hoàng Khánh	Ngọc	9	4	2013	6A	THCS Quyết Thắng	LS-ĐL2	13	6.5	
37	A351	Hoàng Khánh	Ngọc	7	6	2013	6A4	THCS Lê Quý Đôn	LS-ĐL2	13	10	
38	A352	Nguyễn Đỗ Khánh	Ngọc	15	5	2013	6A4	THCS Lê Quý Đôn	LS-ĐL2	13	13.5	
39	A353	Nguyễn Kiều Bảo	Ngọc	22	12	2013	6A6	THCS Lê Quý Đôn	LS-ĐL2	13	11.5	
40	A354	Giản Khôi	Nguyên	1	8	2013	6E	THCS Quyết Thắng	LS-ĐL2	13	8.75	
41	A355	Hà Đức	Nguyên	17	4	2013	6A2	THCS Chiềng Sinh	LS-ĐL2	13	8	
42	A356	Giang Tuyết	Nhi	13	5	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	LS-ĐL2	13	9.25	
43	A357	Lèo Uyển	Nhi	27	3	2013	6B	THCS Hua La	LS-ĐL2	13	2.75	
44	A358	Vì Thị Hồng	Nhung	8	4	2013	6B	THCS Hua La	LS-ĐL2	13	6.5	
45	A359	Nguyễn Thảo	Quyên	15	8	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	LS-ĐL2	13	8.75	
46	A360	Quàng Thị Tú	Quỳnh	21	2	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	LS-ĐL2	13	10.5	
47	A361	Nguyễn Trường	Tiến	21	5	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	LS-ĐL2	14	11	
48	A362	Lò Thị Thanh	Tuyền	19	8	2013	6C	TH-THCS Chiềng Ngần A	LS-ĐL2	14	5.5	
49	A363	Lò Thị Ánh	Tuyết	14	2	2013	6A	THCS Hua La	LS-ĐL2	14	4	
50	A364	Lò Xuân	Thái	1	1	2013	6B	THCS Chiềng Đen	LS-ĐL2	14	9	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
51	A365	Trần Văn	Thành	8	12	2013	6E	THCS Quyết Thắng	LS-ĐL2	14	7.5	
52	A366	Quảng Thị Kim	Thoả	23	10	2013	6A	THCS Hua La	LS-ĐL2	14	2.75	
53	A367	Lường Thanh	Thùy	22	1	2013	6C	TH-THCS Chiềng Ngần A	LS-ĐL2	14	4	
54	A368	Lò Thị Anh	Thư	27	6	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	LS-ĐL2	14	14.5	
55	A369	Lò Thị Huyền	Trang	12	7	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	LS-ĐL2	14	15	
56	A370	Lò Thu	Trang	11	3	2013	6E	THCS Quyết Thắng	LS-ĐL2	14	7.25	
57	A371	Cà Thuỳ	Trâm	14	1	2013	6C	TH-THCS Chiềng Ngần A	LS-ĐL2	14	6.25	
58	A372	Lù Anh	Truyền	9	2	2013	6C	TH-THCS Chiềng Ngần A	LS-ĐL2	14	2.25	
59	A373	Đoàn Hải	Vi	19	5	2013	6E	THCS Quyết Thắng	LS-ĐL2	14	6.75	
60	A374	Cà Văn	Việt	10	5	2013	6B	THCS Chiềng Đen	LS-ĐL2	14	5.75	
61	A375	Lò Đức	Vinh	14	7	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	LS-ĐL2	14	6.75	
62	A376	Lù Thị Như	Ý	17	8	2013	6B	TH-THCS Chiềng Ngần A	LS-ĐL2	14	8.5	

Danh sách này có 62 thí sinh

TP.Sơn La, ngày ... tháng 5 năm 2025
P. CHỦ TỊCH HĐ CỎI THI XÁC NHẬN


Nguyễn Văn Cường

HỌ TÊN VÀ CHỮ KÝ CỦA
Người đọc điểm thi: 
.....
Người ghi kết quả thi (Điểm và XL giải)

.....
Người soát điểm thi (Điểm và XL giải)
.....

TP.Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2025
P. CHỦ TỊCH HĐ CHẤM THI XÁC NHẬN


Nguyễn Văn Cường

TP.Sơn La, ngày ... tháng 5 năm 2025
TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT


Trần La Giang

HỘI ĐỒNG CỎI THI THÀNH PHỐ SƠN LA

Kỳ thi chọn HS giỏi lớp 6, 7, 8 cấp thành phố năm học 2024-2025

Ngày thi 13 tháng 4 năm 2025

BẢNG GHI TÊN, GHI ĐIỂM

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
1	2		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	A377	Hoàng Tâm	An	6	1	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Ngữ văn	12	10	
2	A378	Lê Dương Gia	An	11	4	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Ngữ văn	12	10	
3	A379	Lò Thị Mai	An	23	6	2013	6a	TH&THCS Chiềng Xôm	Ngữ văn	12	6.25	
4	A380	Nguyễn Bảo	An	20	7	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	12	10.5	
5	A381	Nguyễn Bảo	An	16	9	2013	6A2	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Ngữ văn	12	8.25	
6	A382	Nguyễn Lâm	An	29	7	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Ngữ văn	12	10	
7	A383	Nguyễn Ngọc	An	23	8	2013	6A2	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Ngữ văn	12	8	
8	A384	Phạm Bảo	An	11	3	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	12	11.75	
9	A385	Phạm Khánh	An	15	3	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	12	10	
10	A386	Phạm Lê Bảo	An	1	4	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	12	8.5	
11	A387	Quảng Ngọc Khánh	An	26	2	2013	6c	TH&THCS Chiềng Xôm	Ngữ văn	12	8	
12	A388	Trần Bảo	An	8	11	2013	6B	THCS Quyết Thắng	Ngữ văn	12	9.75	
13	A389	Cầm Trâm	Anh	18	4	2013	6A1	THCS Chiềng An	Ngữ văn	12	11	
14	A390	Đỗ Ngọc Bảo	Anh	29	11	2013	6A2	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Ngữ văn	12	9.25	
15	A391	Lò Bảo Trâm	Anh	10	3	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	Ngữ Văn	12	8	
16	A392	Lò Hà	Anh	28	7	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	13	10.75	
17	A393	Lò Thị Trâm	Anh	21	5	2013	6B	TH-THCS Chiềng Ngần A	Ngữ văn	13	2.25	
18	A394	Nguyễn Đặng Hà	Anh	14	3	2013	6A1	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	13	11	
19	A395	Trần Hoàng Ngọc	Anh	15	3	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Ngữ văn	13	9.5	
20	A396	Đỗ An	Bình	4	11	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Ngữ văn	13	9.5	
21	A397	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	24	11	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	13	10.25	
22	A398	Tòng Bảo	Châu	14	2	2013	6A6	THCS Chiềng Sinh	Ngữ Văn	13	6.25	
23	A399	Giang Khánh	Chi	20	3	2013	6G	THCS Quyết Thắng	Ngữ văn	13	9.75	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
24	A400	Hồ Quỳnh	Chi	7	11	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Ngữ văn	13	8	
25	A401	Lê Diệp	Chi	15	10	2013	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	13	9	
26	A402	Nguyễn Diệp	Chi	10	10	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	13	10.5	
27	A403	Nguyễn Minh	Chi	27	5	2013	6D	THCS Quyết Thắng	Ngữ văn	13	10	
28	A404	Nguyễn Ngọc Khánh	Chi	6	6	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Ngữ văn	13	10.75	
29	A405	Quảng Khánh	Chi	17	10	2013	6A2	THCS Tô Hiệu	Ngữ văn	13	9	
30	A406	Đinh Ngọc	Diệp	29	7	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	13	11	
31	A407	Nguyễn Ngọc	Diệp	28	2	2013	5A5	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	14	11.75	
32	A408	Trương Ngọc	Diệp	26	8	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Ngữ văn	14	7.5	
33	A409	Quảng Thị Huyền	Diệu	2	4	2013	6B	THCS Chiềng Đen	Ngữ văn	14	8	
34	A410	Vũ Ngọc	Dung	3	9	2013	6A3	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ Văn	14	7	
35	A411	Tăng Văn	Duy	20	2	2013	6A1	THCS Chiềng An	Ngữ văn	14	7.25	
36	A412	Hoàng Ánh	Dương	7	2	2013	6a	TH&THCS Chiềng Xôm	Ngữ văn	14	4.25	
37	A413	Nguyễn Sam	Đan	6	10	2013	6B	THCS Quyết Thắng	Ngữ văn	14	8	
38	A414	Vũ Tuệ	Đan	18	11	2013	6B	THCS Quyết Thắng	Ngữ văn	14	9	
39	A415	Nguyễn Hải	Đăng	25	1	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	Ngữ Văn	14	8	
40	A416	Đinh Thu	Giang	12	8	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	14	13.75	
41	A417	Trần Thanh	Hà	19	3	2013	6E	THCS Quyết Thắng	Ngữ văn	14	11	
42	A418	Đinh Thu	Hằng	27	10	2013	6A5	THCS Chiềng Sinh	Ngữ Văn	14	10	
43	A419	Trần Thu	Hằng	25	4	2013	6A7	THCS Chiềng Sinh	Ngữ Văn	14	8.25	
44	A420	Bùi Gia	Hân	3	12	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	Ngữ Văn	14	8.75	
45	A421	Đoàn Gia	Hân	30	12	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	15	15.25	
46	A422	Đoàn Ngọc	Hân	5	5	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	15	10.75	
47	A423	Trần Bảo	Hân	30	10	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	15	9	
48	A424	Cà Thị Thu	Hoài	2	12	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	Ngữ Văn	15	8	
49	A425	Nguyễn Việt	Hung	27	9	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	15	10.25	
50	A426	Đặng Việt	Khôi	26	10	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	15	5.5	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
51	A427	Nguyễn Vũ Bảo	Lâm	23	8	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	15	13.25	
52	A428	Phạm Tuệ	Lâm	4	4	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	15	9	
53	A429	Phạm Trúc	Lâm	21	3	2013	6A1	THCS Tô Hiệu	Ngữ văn	15	11.5	
54	A430	Cà Thị Như	Lê	8	8	2013	6A	TH-THCS Chiềng Ngần A	Ngữ văn	15	8.5	
55	A431	Đào Thị Hà	Linh	19	4	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	15	9.5	
56	A432	Đỗ Gia	Linh	23	10	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	15	7.25	
57	A433	Lò Thị Khánh	Linh	1	3	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	Ngữ Văn	15	7.5	
58	A434	Lường Thị Khánh	Linh	2	9	2013	6B	THCS Chiềng Đen	Ngữ văn	15	7	
59	A435	Nguyễn Trang	Linh	8	8	2013	6A5	THCS Chiềng Sinh	Ngữ Văn	15	7.75	
60	A436	Quảng Thị Thảo	Linh	25	8	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	16	9	
61	A437	Lê Tuệ	Minh	2	2	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Ngữ văn	16	9.75	
62	A438	Phạm Tuệ	Minh	11	4	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	16	10	
63	A439	Cà Huyền	My	4	3	2013	6A2	THCS Chiềng An	Ngữ văn	16	8	
64	A440	Cà Thị Trà	My	30	3	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	Ngữ Văn	16	7	
65	A441	Đặng Trà	My	21	12	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	Ngữ Văn	16	9.5	
66	A442	Lò Linh	Nga	2	7	2013	6A2	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	16	7	
67	A443	Lèo Thanh	Ngân	6	7	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	16	10.75	
68	A444	Giàng Kim	Ngọc	1	2	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	16	10	
69	A445	Nguyễn Phúc Bảo	Ngọc	27	1	2013	6A7	THCS Chiềng Sinh	Ngữ văn	16	10	
70	A446	Hoàng Thảo	Nguyên	23	10	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	16	10	
71	A447	Lê Trần Thảo	Nguyên	6	6	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	16	10.25	
72	A448	Lê Hương	Nhi	23	7	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	16	10	
73	A449	Lù Uyên	Nhi	9	3	2013	6A1	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	16	7.75	
74	A450	Vũ Thảo	Nhi	12	3	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Ngữ văn	16	13	
75	A451	Vũ Thị Tuyết	Nhi	7	11	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Ngữ văn	17	9	
76	A452	Tòng Tuyết	Nhung	6	3	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	Ngữ Văn	17	5	
77	A453	Cà Bảo	Như	17	2	2013	6A1	THCS Tô Hiệu	Ngữ văn	17	9.5	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
78	A454	Hoàng Hà	Như	9	1	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	17	9	
79	A455	Quàng Thị Kiều	Oanh	7	3	2013	6B	THCS Hua La	Ngữ văn	17	7.75	
80	A456	Quàng Thị Kim	Oanh	2	1	2013	6B	THCS Chiềng Đen	Ngữ văn	17	7.5	
81	A457	Lò Thị Hoàng	Phương	16	4	2013	6A6	THCS Chiềng Sinh	Ngữ Văn	17	7	
82	A458	Nguyễn Lan	Phương	9	2	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	Ngữ Văn	17	8	
83	A459	Lê Bảo	Quyên	22	4	2013	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	17	9.5	
84	A460	Nguyễn Bảo	Quyên	2	6	2013	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	17	10.75	
85	A461	Vũ Phúc Diễm	Quyên	12	7	2013	6A5	THCS Chiềng Sinh	Ngữ Văn	17	5	
86	A462	Dương Vũ Trúc	Quỳnh	25	12	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	17	10.75	
87	A463	Quàng Thùy	Tiên	30	1	2013	6B	THCS Chiềng Đen	Ngữ văn	17	7.75	
88	A464	Nguyễn Minh Gia	Tuệ	5	10	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Ngữ văn	17	5	
89	A465	Nguyễn Ngọc Minh	Tuệ	26	12	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	17	10.25	
90	A466	Lò An	Thảo	18	6	2013	6A1	THCS Chiềng An	Ngữ văn	18	13.25	
91	A467	Cà Thị Khánh	Thi	30	6	2013	6A	TH-THCS Chiềng Ngần A	Ngữ văn	18	7.5	
92	A468	Trần Diệu	Thủy	5	8	2013	6B	THCS Quyết Thắng	Ngữ văn	18	6.5	
93	A469	Vũ Thu	Thủy	13	7	2013	6A	TH-THCS Chiềng Ngần A	Ngữ văn	18	9.25	
94	A470	Lò Thị Thanh	Thúy	9	2	2013	6B	THCS Chiềng Đen	Ngữ văn	18	8.75	
95	A471	Trần Minh	Thúy	8	11	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Ngữ văn	18	11.75	
96	A472	Cầm Anh	Thư	11	11	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	18	10.5	
97	A473	Phạm Anh	Thư	10	9	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	18	10.5	
98	A474	Phạm Thị Anh	Thư	18	3	2013	6A2	TH&THCS Quyết Tâm	Ngữ Văn	18	12.5	
99	A475	Vũ An	Thy	29	5	2013	6A2	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Ngữ văn	18	8	
100	A476	Đỗ Hà	Trang	4	11	2013	6A1	THCS Tô Hiệu	Ngữ văn	18	9.75	
101	A477	Trần Huyền	Trang	4	8	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Ngữ văn	18	9.5	
102	A478	Lèo Thị Bảo	Trâm	19	2	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	Ngữ Văn	18	4.75	
103	A479	Lù Hoàng Thùy	Trâm	14	2	2013	6A3	THCS Chiềng An	Ngữ văn	18	10	
104	A480	Quàng Thị Bảo	Trâm	25	7	2013	6B	THCS Chiềng Đen	Ngữ văn	18	9.25	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
105	A481	Trần Bảo	Trâm	30	7	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	19	9.75	
106	A482	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	16	2	2013	6B	THCS Quyết Thắng	Ngữ văn	19	9	
107	A483	Quàng Ngọc	Trân	8	3	2013	6A7	THCS Chiềng Sinh	Ngữ Văn	19	8.5	
108	A484	Cà Thị Kiều	Trinh	13	9	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Cọ	Ngữ Văn	19	6	
109	A485	Nguyễn Nhật	Vy	28	2	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Ngữ văn	19	10.25	
110	A486	Phan Nhật	Vy	12	7	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	19	9	
111	A487	Trần Thị Khánh	Vy	19	5	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	Ngữ Văn	19	8	
112	A488	Phan Hoàng	Yến	19	5	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Ngữ văn	19	8	

Danh sách này có 112 thí sinh

TP.Sơn La, ngày ... tháng 5 năm 2025
P. CHỦ TỊCH HĐ COI THI XÁC NHẬN

HỌ TÊN VÀ CHỮ KÝ CỦA
 Người đọc điểm thi: ...
 Người ghi kết quả thi (Điểm và XL giải)
 Người soát điểm thi (Điểm và XL giải)


 Nguyễn Văn Cường

TP.Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2025
P. CHỦ TỊCH HĐ CHẤM THI XÁC NHẬN


 Nguyễn Văn Cường

TP.Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2025
TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT




 Trần La Giang

HỘI ĐỒNG CỎI THI THÀNH PHỐ SƠN LA
Kỳ thi chọn HS giỏi lớp 6, 7, 8 cấp thành phố năm học 2024-2025
Ngày thi 13 tháng 4 năm 2025

BẢNG GHI TÊN, GHI ĐIỂM

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	A489	Cầm Lường Bảo	An	12	3	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	20	10.25	
2	A490	Hoàng Hải	An	4	11	2013	6A	THCS Quyết Thắng	Tiếng Anh	20	9.05	
3	A491	Lê Ngân	An	4	8	2013	6C	THCS Quyết Thắng	Tiếng Anh	20	6.6	
4	A492	Lương Khánh	An	18	8	2013	6A5	THCS Chiềng Sinh	Tiếng Anh	20	7.9	
5	A493	Phạm Khánh	An	27	4	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	20	12.1	
6	A494	Quàng Thị Châu	An	16	3	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Tiếng Anh	20	9.9	
7	A495	Vũ Hoàng Vĩnh	An	12	11	2013	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	20	15.05	
8	A496	Hoàng Tuệ	Anh	15	12	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	20	14	
9	A497	Nguyễn Hà Tùng	Anh	21	3	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Tiếng Anh	20	9.5	
10	A498	Nguyễn Lê Minh	Anh	12	11	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	20	10	
11	A499	Phan Phúc	Anh	10	9	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Tiếng Anh	20	9.65	
12	A500	Trần Minh	Anh	4	1	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	20	7.65	
13	A501	Trần Trúc	Anh	23	7	2013	6A6	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	20	13.9	
14	A502	Vũ Trâm	Anh	16	12	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	20	11.5	
15	A503	Nguyễn Minh	Ánh	2	12	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	20	14.25	
16	A504	Nguyễn Hoàng	Bách	12	8	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	20	11.65	
17	A505	Lù Gia	Bảo	8	10	2013	6A1	THCS Chiềng An	Tiếng Anh	20	7.45	
18	A506	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	9	9	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Tiếng Anh	20	10.4	
19	A507	Nguyễn Ngọc	Bích	16	12	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	20	13	
20	A508	Nguyễn Ngọc	Bích	19	7	2013	6A2	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Tiếng Anh	20	8.4	
21	A509	Vũ Nhật	Cương	17	10	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Tiếng Anh	20	10.7	
22	A510	Lò Thị Bảo	Châu	1	8	2013	6A1	THCS Tô Hiệu	Tiếng Anh	20	10.4	
23	A511	Tòng Thị Bảo	Châu	22	1	2013	6A	TH&THCS Chiềng Xôm	Tiếng Anh	21	5.75	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
24	A512	Cầm Hà Minh	Chi	19	11	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Ngần B	Tiếng Anh	21	2.4	
25	A513	Đỗ Khánh	Chi	18	7	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	21	12.4	
26	A514	Hoàng Hà	Chi	7	2	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	Tiếng Anh	21	8.9	
27	A515	Mai Linh	Chi	9	8	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	21	9.1	
28	A516	Nguyễn Mai	Chi	30	12	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Tiếng Anh	21	15.35	
29	A517	Trần Quỳnh	Chi	16	10	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	21	11.6	
30	A518	Cà Thị Ngọc	Diễm	10	2	2013	6A3	TH&THCS Chiềng Ngần B	Tiếng Anh	21	6.05	
31	A519	Vũ Gia	Diên	28	2	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	21	12.35	
32	A520	Đàm Ngọc	Diệp	29	10	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	21	11.2	
33	A521	Nguyễn Ngọc	Diệp	1	9	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	21	8.95	
34	A522	Phạm Bích	Diệp	10	12	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	21	11.15	
35	A523	Phạm Thị Thuý	Dương	26	9	2013	6A5	THCS Chiềng Sinh	Tiếng Anh	21	8.6	
36	A524	Vũ Đức	Dương	18	4	2013	6A6	THCS Chiềng Sinh	Tiếng Anh	21	8.95	
37	A525	Nguyễn Hoàng	Đan	18	1	2013	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	21	12.25	
38	A526	Trần Linh	Đan	5	5	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	21	8.6	
39	A527	Mùi Hải	Đăng	17	9	2013	6A4	TH&THCS Quyết Tâm	Tiếng Anh	21	4.2	
40	A528	Lê Ngọc	Hà	7	5	2013	6C	THCS Quyết Thắng	Tiếng Anh	21	9	
41	A529	Cầm Diễm	Hằng	4	11	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	21	11.3	
42	A530	Hà Minh	Hằng	24	5	2013	6B	THCS Quyết Thắng	Tiếng Anh	21	7.6	
43	A531	Lã Ngọc Bảo	Hân	26	2	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	21	13.3	
44	A532	Nguyễn Thu	Hiền	9	1	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	21	8.65	
45	A533	Nguyễn Ngọc Gia	Hiếu	6	2	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Tiếng Anh	22	15.75	
46	A534	Nguyễn Mai	Hoa	29	3	2013	6C	THCS Quyết Thắng	Tiếng Anh	22	9.65	
47	A535	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	7	5	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Tiếng Anh	22	14.9	
48	A536	Lèo Việt	Hoàng	26	6	2013	6B	THCS Hua La	Tiếng Anh	22	5.5	
49	A537	Nguyễn Phúc Nguyên	Hoàng	30	8	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Tiếng Anh	22	9.7	
50	A538	Lê Hoàng Gia	Huy	17	1	2013	6B	THCS Quyết Thắng	Tiếng Anh	22	8.85	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
51	A539	Nguyễn Gia	Hưng	28	11	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	22	10.05	
52	A540	Nguyễn Thu Thiên	Hương	16	9	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Tiếng Anh	22	11.35	
53	A541	Lò Đại	Hữu	4	9	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	22	13.8	
54	A542	Nguyễn Minh	Khải	1	12	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	22	12.25	
55	A543	Bùi Nguyên	Khang	1	12	2013	6A1	THCS Tô Hiệu	Tiếng Anh	22	7.3	
56	A544	Hoàng Nam	Khánh	13	1	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Tiếng Anh	22	10.06	
57	A545	Nguyễn Kim	Khánh	4	11	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Tiếng Anh	22	5.85	
58	A546	Cà Duy	Khoa	5	4	2013	6A1	TH&THCS Chiềng Ngần B	Tiếng Anh	22	8.35	
59	A547	Cà Mai	Khuyên	4	3	2013	6A3	TH&THCS Chiềng Ngần B	Tiếng Anh	22	3.5	
60	A548	Lù Hoàng Khánh	Lâm	6	6	2013	6A1	THCS Chiềng An	Tiếng Anh	22	9.85	
61	A549	Nguyễn Doãn	Lâm	23	9	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	22	12.85	
62	A550	Khuất Nguyễn Nhật	Linh	21	5	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	22	14	
63	A551	Nguyễn Gia	Linh	6	1	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	22	14.75	
64	A552	Nguyễn Lý Ngọc	Linh	9	5	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	Tiếng Anh	22	5.75	
65	A553	Nguyễn Trọng Tường	Linh	2	12	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	22	10.15	
66	A554	Trần Đại	Lộc	22	5	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Tiếng Anh	22	11.65	
67	A555	Vũ Đình	Lộc	3	5	2013	6B	THCS Quyết Thắng	Tiếng Anh	23	10.15	
68	A556	Quảng Nhật	Minh	8	7	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	Tiếng Anh	23	8.6	
69	A557	Trần Tuấn	Minh	2	1	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	23	15.35	
70	A558	Hoàng Bảo	Nam	5	2	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Tiếng Anh	23	12.95	
71	A559	Đoàn Kim	Ngân	8	3	2013	6D	THCS Quyết Thắng	Tiếng Anh	23	6.9	
72	A560	Đình Tuấn	Nghĩa	18	2	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	Tiếng Anh	23	7.75	
73	A561	Nguyễn Quang	Nghĩa	11	5	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Tiếng Anh	23	9.75	
74	A562	Tòng Ngọc	Nghĩa	18	2	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	23	9.75	
75	A563	Trần Hữu	Nghĩa	21	11	2013	6A	THCS Quyết Thắng	Tiếng Anh	23	7.05	
76	A564	Trịnh Bảo	Ngọc	27	7	2013	6A5	THCS Chiềng Sinh	Tiếng Anh	23	10.15	
77	A565	Trịnh Như	Ngọc	5	2	2013	6A7	THCS Chiềng Sinh	Tiếng Anh	23	9.5	

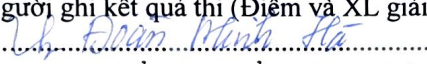
TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
78	A566	Lê Nguyễn Thảo	Nguyên	18	3	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	23	10.65	
79	A567	Nguyễn Thị Phong	Nhã	2	3	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	23	8.1	
80	A568	Đào Khánh	Nhi	12	11	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	23	9.65	
81	A569	Nguyễn Trang	Nhi	21	9	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	23	15.25	
82	A570	Trần Uyên	Nhi	7	11	2013	6A2	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Tiếng Anh	23	9.5	
83	A571	Hoàng Đình	Phong	16	3	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Tiếng Anh	23	12.75	
84	A572	Nguyễn Hoàng Nguyên	Phong	12	5	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Tiếng Anh	23	13.4	
85	A573	Nguyễn Phạm Hải	Phong	7	1	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	23	13.95	
86	A574	Đào An	Phú	4	10	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	23	14.55	
87	A575	Đào Huy	Phú	24	9	2013	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	23	16.4	
88	A576	Nguyễn An	Phú	20	7	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	23	16.65	
89	A577	Trương Bảo	Phú	18	11	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	24	13.8	
90	A578	Nguyễn Thiện	Phúc	17	6	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	Tiếng Anh	24	8.15	
91	A579	Phạm Duy	Phúc	4	1	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	24	16.75	
92	A580	Đoàn Tiến	Quân	9	6	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Tiếng Anh	24	13.05	
93	A581	Hoàng Anh	Quân	3	9	2013	6A2	TH&THCS Quyết Tâm	Tiếng Anh	24	6.75	
94	A582	Hoàng Thục	Quyên	17	3	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	Tiếng Anh	24	6.6	
95	A583	Trần Băng	Tâm	15	12	2013	6G	THCS Quyết Thắng	Tiếng Anh	24	7.25	
96	A584	Nguyễn Minh	Tùng	14	3	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	24	13.25	
97	A585	Nguyễn Việt	Thái	12	11	2013	6A2	THCS Tô Hiệu	Tiếng Anh	24	8.75	
98	A586	Phạm Phương	Thảo	6	8	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Tiếng Anh	24	9	
99	A587	Nguyễn Anh	Thư	23	8	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	24	12.25	
100	A588	Nguyễn Anh	Thư	19	5	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Tiếng Anh	24	9	
101	A589	Nguyễn Giang	Thư	22	9	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	Tiếng Anh	24	11.85	
102	A590	Nguyễn Thiên	Trang	10	1	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	24	11.15	
103	A591	Nguyễn Thùy	Trang	9	7	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Tiếng Anh	24	9.65	
104	A592	Nguyễn Bảo	Trần	3	6	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Tiếng Anh	24	5.45	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
105	A593	Bùi Nguyễn Khánh	Trúc	3	9	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Tiếng Anh	24	11	
106	A594	Đỗ Phương	Uyên	28	5	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	24	13.1	
107	A595	Trần Phúc	Vinh	7	8	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	24	11.55	
108	A596	Trịnh Gia	Vĩnh	3	2	2013	6A1	THCS Chiềng Sinh	Tiếng Anh	24	14.25	
109	A597	Bùi Anh	Vũ	17	8	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	24	11.1	
110	A598	Cà Ngọc	Vũ	7	1	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Tiếng Anh	24	8.85	

Danh sách này có 110 thí sinh

TP.Sơn La, ngày ... tháng 5 năm 2025
CHỦ TỊCH HỖ COI THI XÁC NHẬN


Nguyễn Văn Cường

HỌ TÊN VÀ CHỮ KÝ CỦA
Người đọc điểm thi: 
Người ghi kết quả thi (Điểm và XL giải) 
Người soát điểm thi (Điểm và XL giải)

TP.Sơn La, ngày ... tháng 5 năm 2025
CHỦ TỊCH HỖ CHẤM THI XÁC NHẬN


Nguyễn Văn Cường

TP.Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2025
TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT


Trần La Giang

HỘI ĐỒNG CỎI THI THÀNH PHỐ SƠN LA

Kỳ thi chọn HS giỏi lớp 6, 7, 8 cấp thành phố năm học 2024-2025

Ngày thi 13 tháng 4 năm 2025

BẢNG GHI TÊN, GHI ĐIỂM

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
1	2		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	A600	Hoàng Nhật	An	27	5	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Toán	15	16	
2	A601	Phạm Chí	An	14	1	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Toán	15	8.25	
3	A602	Đỗ Đắc Hoàng	Anh	19	9	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	Toán	15	8.75	
4	A603	Lê Duy	Anh	27	3	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Toán	15	9.75	
5	A604	Ngô Tuấn	Anh	27	6	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	Toán	15	10.75	
6	A605	Phan Ngọc	Anh	9	6	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Toán	15	9.75	
7	A606	Trần Khải	Anh	29	7	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Toán	15	9.5	
8	A607	Lê	Bào	20	3	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Toán	15	12	
9	A608	Nguyễn Thế	Bào	1	3	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Toán	15	14	
10	A609	Bùi Việt	Cường	6	1	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Toán	15	19.75	
11	A610	Lê Hùng	Cường	20	12	2013	6E	THCS Quyết Thắng	Toán	15	5.5	
12	A611	Đoàn Bá	Dũng	12	1	2013	6A1	THCS Chiềng An	Toán	15	6.25	
13	A612	Nguyễn Vũ Sơn	Dũng	22	12	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Toán	15	7.5	
14	A613	Đinh Đăng	Duy	26	10	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Toán	15	9.25	
15	A614	Nguyễn Bá	Duy	5	4	2013	6A5	THCS Chiềng Sinh	Toán	15	3.75	
16	A615	Lê Trí	Dương	4	12	2013	6A5	THCS Chiềng Sinh	Toán	16	6.75	
17	A616	Nguyễn Hoàng	Dương	21	5	2013	6A6	THCS Lê Quý Đôn	Toán	16	12.5	
18	A617	Hà Tiến	Đạt	2	3	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Toán	16	12.75	
19	A618	Lương Bùi Hữu	Đạt	15	6	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Toán	16	8	
20	A619	Lường Khánh	Đạt	24	11	2013	6A1	THCS Chiềng An	Toán	16	5.25	
21	A620	Nguyễn Thành	Đạt	2	4	2013	6A6	THCS Lê Quý Đôn	Toán	16	7.75	
22	A621	Nguyễn Như	Đoàn	20	12	2013	6A2	TH&THCS Quyết Tâm	Toán	16	3.75	
23	A622	Nguyễn Thu	Giang	27	11	2013	6A2	THCS Tô Hiệu	Toán	16	9.75	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
24	A623	Phạm Bảo	Hà	29	11	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	Toán	16	11.75	
25	A624	Phùng Ngọc	Hà	18	05	2013	6D	THCS Quyết Thắng	Toán	16	3.5	
26	A625	Nguyễn Thanh	Hải	17	4	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Toán	16	15	
27	A626	Phạm Thị Thanh	Hoà	12	12	2013	6A5	THCS Chiềng Sinh	Toán	16	8.5	
28	A627	Đỗ Bảo	Hoàng	9	1	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	Toán	16	8.5	
29	A628	Nguyễn Huy	Hùng	24	4	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Toán	16	11.5	
30	A629	Hoàng Gia	Huy	12	6	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Toán	16	15.25	
31	A630	Hoàng Minh	Huy	25	3	2013	6A	THCS Quyết Thắng	Toán	17	5	
32	A631	Hồ Thành	Huy	2	10	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Toán	17	7	
33	A632	Nguyễn Bảo	Huyền	17	2	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Toán	17	9.5	
34	A633	Vũ Khánh	Huyền	1	3	2013	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Toán	17	5.75	
35	A634	Nguyễn Gia	Hưng	27	9	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Toán	17	17.75	
36	A635	Nguyễn Lê Tuấn	Kiệt	6	12	2013	6A3	THCS Chiềng An	Toán	17	4.25	
37	A636	Đoàn Nam	Khánh	20	5	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	Toán	17	8.25	
38	A637	Thân Văn	Khánh	22	4	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Toán	17	11.75	
39	A638	Trần Đức	Khôi	11	6	2013	6A2	THCS Lê Quý Đôn	Toán	17	2.5	
40	A639	Nguyễn Phan Bảo	Lâm	24	4	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Toán	17	16.25	
41	A640	Nguyễn Tùng	Lâm	3	12	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Toán	17	11.5	
42	A641	Nguyễn Tùng	Lâm	21	4	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	Toán	17	6.5	
43	A642	Phạm Tuấn	Lâm	9	9	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Toán	17	13.5	
44	A643	Vũ Hoàng Trúc	Linh	14	10	2013	6A5	THCS Lê Quý Đôn	Toán	17	4.5	
45	A644	Hà Nhật	Long	18	1	2013	6A6	THCS Chiềng Sinh	Toán	17	6.5	
46	A645	Ngô Kỳ	Long	16	8	2013	6A	THCS Quyết Thắng	Toán	18	6.75	
47	A646	Nguyễn Thành	Long	4	2	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	Toán	18	9	
48	A647	Nguyễn Đình	Lộc	26	2	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Toán	18	8.75	
49	A648	Lưu Bình	Minh	20	11	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Toán	18	14.75	
50	A649	Lưu Quang	Minh	20	11	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Toán	18	16	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
51	A650	Ngô Nhật	Minh	23	1	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Toán	18	12.5	
52	A651	Phạm Bình	Minh	23	5	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Toán	18	11.25	
53	A652	Tòng Tiến	Minh	3	12	2013	6A1	THCS Chiềng An	Toán	18	4.5	
54	A653	Trần Nhật	Minh	16	9	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	Toán	18	7.5	
55	A654	Phan Trà	My	7	4	2013	6B	THCS Quyết Thắng	Toán	18	6.75	
56	A655	Nguyễn Nhật	Nam	4	12	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Toán	18	13.5	
57	A656	Bùi Hải	Nghĩa	22	8	2013	6A1	THCS Nguyễn Trãi	Toán	18	12.25	
58	A657	Nguyễn Quang	Nghĩa	28	12	2013	6C	THCS Quyết Thắng	Toán	18	6.25	
59	A658	Trần Lê Bảo	Ngọc	25	8	2013	6A5	THCS Chiềng Sinh	Toán	18	7.25	
60	A659	Vũ Bảo	Ngọc	27	1	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Toán	18	13	
61	A660	Nguyễn Phúc Hoàng	Nguyên	30	8	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Toán	19	6.75	
62	A661	Đào Linh	Nhi	22	12	2013	6A2	THCS Nguyễn Trãi	Toán	19	11.25	
63	A662	Nguyễn Khai	Phong	1	12	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Toán	19	12.25	
64	A663	Phan Ngọc	Phong	20	4	2013	6A	THCS Quyết Thắng	Toán	19	8.5	
65	A664	Lê Vinh	Phúc	14	8	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Toán	19	12	
66	A665	Đinh Yên	Phương	14	1	2013	6A5	THCS Chiềng Sinh	Toán	19	4.5	
67	A666	Nguyễn Vũ Kim	Phượng	17	1	2013	6A5	THCS Nguyễn Trãi	Toán	19	5.5	
68	A667	Nguyễn Minh	Sơn	9	11	2013	6A2	TH&THCS Quyết Tâm	Toán	19	6.25	
69	A668	Lò Bảo	Toàn	7	2	2013	6A1	THCS Chiềng An	Toán	19	5.25	
70	A669	Phạm Tuấn	Tú	27	2	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Toán	19	10.25	
71	A670	Nguyễn Duy	Tùng	26	2	2013	6A	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Toán	19	16.5	
72	A671	Nguyễn An	Thái	21	8	2013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Toán	19	13.25	
73	A672	Phạm Anh	Thái	1	3	2013	6A2	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Toán	19	5.25	
74	A673	Trần Tiến	Thành	11	12	2013	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Toán	19	5.25	
75	A674	Nguyễn Phương	Thảo	5	10	2013	6D	THCS Quyết Thắng	Toán	19	5.75	
76	A675	Phùng Quốc	Thịnh	25	6	2013	6A4	THCS Nguyễn Trãi	Toán	19	6.25	
77	A676	Nguyễn Bảo	Trâm	2	8	1013	6A3	THCS Nguyễn Trãi	Toán	19	9.25	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh			Lớp	Học sinh trường	Môn thi	Phòng	Kết quả	
				Ngày	Tháng	Năm					Điểm thi	Xếp giải
78	A677	Vũ Quý	Trường	16	9	2013	6B	TH, THCS&THPT Chu Văn An	Toán	19	5.25	
79	A678	Lèo Khánh	Vân	21	2	2013	6A1	TH, THCS & THPT Quốc tế Bình Minh	Toán	19	8.5	
80	A679	Lò Anh	Vũ	24	2	2013	6A1	TH&THCS Quyết Tâm	Toán	19	7	
81	A680	Triệu Như	Ỡ	13	11	2013	6A5	THCS Chiềng Sinh	Toán	19	8.5	

Danh sách này có 81 thí sinh

TP.Sơn La, ngày ... tháng 5 năm 2025
CHỦ TỊCH HỖ CỎI THI XÁC NHẬN

HỌ TÊN VÀ CHỮ KÝ CỦA
Người đọc điểm thi:
Người ghi kết quả thi (Điểm và XL giải)
Người soát điểm thi (Điểm và XL giải)


Nguyễn Văn Cường

TP.Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2025
CHỦ TỊCH HỖ CHẢM THI XÁC NHẬN


Nguyễn Văn Cường

TP.Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2025
TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT



Trần La Giang